

Bản án số: 122/2024/DS-ST
Ngày: 13 - 5- 2024
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hôm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Bửu Khánh

2. Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 138/2024/TLST - DS ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2024/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bạch H, sinh năm: 1978; địa chỉ: ấp Hòa Hiệp, xã Hòa Lợi, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Lý Văn Tr, sinh năm: 1984 và chị Lê Thị D, sinh năm: 1985; địa chỉ: ấp Hòa B, xã Hòa Lợi, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Bạch H trình bày:

Vợ chồng ông Tr - bà D có hời vay của bà số tiền gốc là 1.400.000.000 đồng, vay làm hai lần: Lần thứ nhất vay 1.050.000.000 đồng vào ngày 09 tháng 7 năm 2022 (âm lịch), lãi suất thỏa thuận là 30.000 đồng/1.000.000 đồng gốc. Cách 09 ngày sau, ông Tr - bà D có đến hời vay thêm 350.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận cũng như lần đầu. Qua hai lần vay, ông Tr - bà D có đóng lãi cho bà được 09 tháng đến tháng 4/2023 âm lịch thì ngưng, sau đó thì không đóng nữa.

Đến ngày 17 tháng 12 năm 2023 bà và vợ chồng ông Tr - bà D có chốt nợ lại với nhau thành tổng số tiền gốc lãi là 1.721.450.000 đồng, ông Tr - bà D có ký giấy nợ với bà. Đồng thời cam kết đến ngày 09/02/2024 âm lịch sẽ trả đủ cho bà. Nếu không có trả thì ông Tr - bà D sẽ giao đất nền nhà và đất lúa cho bà đủ với số tiền nợ nên bà cũng đồng ý. Nhưng đến hạn mà ông Tr - bà D hứa lần lựa nhưng

không thực hiện. Nay xét thấy quyền và lợi ích hợp pháp của bà bị xâm phạm, bà yêu cầu vợ chồng ông Tr - bà Diên bồi trả cho bà số tiền gốc là 1.400.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ tháng thứ 10 sau khi vay tiền (tức ngày 18/5/2023 âm lịch) đến khi vụ kiện được đưa ra xét xử.

Tại bản khai cũng như tại phiên hòa giải, bị đơn ông Lý Văn Triệu, bà Lê Thị Diễm trình bày:

Ông, bà xác định số tiền 1.400.000.000 đồng gốc là tiền ông bà hỏi vay của bà Hồng, số tiền này ông bà vay làm hai lần, lần 1 là 1.050.000.000 đồng, lần 2 là 350.000.000 đồng, cách lần 01 khoảng 09 ngày, lãi suất cả hai lần vay là 30.000 đồng/triệu/tháng. Ông bà xác định có đóng lãi đầy đủ cho bà Hồng được khoảng hơn 01 năm, về sau do làm ăn thua lỗ nên không có đóng lãi tiếp cho bà Hồng. Ông bà xác định số tiền lãi đã đóng cho bà Hồng tổng số là bao nhiêu ông bà không nhớ và đóng đến thời gian nào cũng không rõ. Nay ông bà không yêu cầu xem xét lại đối với số tiền lãi đã đóng cho bà Hồng.

Nay bà Hồng khởi kiện, yêu cầu ông bà trả số tiền gốc là 1.400.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật thì ông bà đồng ý, nhưng xin được trả dần số tiền gốc trong thời hạn 04 tháng vì hiện tại ông bà không có khả năng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Bạch H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Lý Văn Tr và bà Lê Thị Dgiao trả số tiền vay gốc còn nợ là 1.400.000.000 đồng nên đây là tranh chấp về giao dịch dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Tr - bà Dcó nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo đơn khởi kiện, bà Hồng yêu cầu ông Tr - bà Dcùng liên đới giao trả số tiền gốc và lãi còn nợ là 1.721.450.000 đồng, và yêu cầu tính lãi từ ngày cam kết trả nợ 09/02/2024 âm lịch đến khi vụ kiện được giải quyết xong. Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bà Hồng thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà xác định yêu cầu ông Tr - bà Dtrả cho bà số tiền vay gốc là 1.400.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ tháng thứ 10 sau khi vay tiền (tức ngày 18/5/2023 âm lịch) đến khi vụ kiện được đưa ra xét xử.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Hồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án cũng như căn cứ vào ý kiến trình bày của phía bị đơn ông Tr - bà Dđều thừa nhận có hỏi vay của bà Hồng số tiền gốc là 1.400.000.000 đồng nên có đủ cơ sở để buộc vợ chồng ông Tr - bà Dcùng liên đới giao trả cho bà Hồng số tiền gốc còn nợ 1.400.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 11, Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Xét yêu cầu tính lãi của bà Hồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: hợp đồng vay giữa các bên là hợp đồng vay có lãi nhưng đến hạn mà ông Tr - bà Dkhông trả lãi cho bà Hồng nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 buộc ông Triệu - bà Hồng phải trả lãi trên nợ gốc cho bà Hồng theo thỏa thuận. Tuy nhiên do mức

lãi suất các bên thỏa thuận vượt quá giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên sẽ được điều chỉnh lại.

Cụ thể: Tiền lãi phát sinh từ ngày 18/5/2023 âm lịch (nhằm ngày 05/7/2023 dương lịch) đến ngày xét xử 13/5/2024 là 10 tháng 08 ngày, lãi suất cơ bản là 20%/năm, lãi suất phát sinh: 1.400.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 10 tháng 08 ngày = 238.597.333,34 đồng, làm tròn là 238.597.000 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi là 1.638.597.000 đồng (một tỷ, sáu trăm ba mươi tám triệu, năm trăm chín mươi bảy nghìn đồng)

Kể từ ngày bà Hồng có đơn yêu cầu thi hành án, ông Tr - bà Dchậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông Tr - bà D còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồng được chấp nhận nên ông Tr - bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền: 1.638.597.000 đồng = {36.000.000 đồng + (838.597.000 đồng x 3% = 25.157.910 đồng)} = 61.157.910 đồng, làm tròn là 61.158.000 đồng.

Hoàn trả lại cho bà Hồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 29.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002681 ngày 12/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 11, Điều 280, Điều 463, điểm a khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Bạch H đối với ông Lý Văn Tr và bà Lê Thị D

Buộc ông Lý Văn Tr và bà Lê Thị D giao trả cho Bà Nguyễn Thị Bạch H số tiền gốc và lãi là 1.638.597.000 đồng (một tỷ, sáu trăm ba mươi tám triệu, năm trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Hồng có đơn yêu cầu thi hành án, ông Tr - bà D chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông Tr - bà D còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Buộc ông Lý Văn Tr và bà Lê Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 61.158.000 đồng (sáu mươi một triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho Bà Nguyễn Thị Bạch H tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 29.000.000 đồng (hai mươi chín triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0002681 ngày 12/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/5/2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 7d và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Dương Văn Hôm